**BÀI 11: VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG**

1. Không vận đơn(AWB), các tài liệu liên quan
   1. Các khái niệm và nội dung của AWB bản giấy(hard copy)
      1. Khái niệm, mô tả thông tin trên AWB(TACT 6.1 - 6.2)

Không vận đơn(Air Waybill) là một tài liệu được Người gửi hàng lập ra, khi đã ký kết, AWB được xem là Hợp đồng vận chuyển giữa Người gửi hàng và Nhà vận chuyển để chuyên chở hàng hóa trên đường bay của nhà vận chuyển

Một bộ không vận đơn có ít nhất 8 bản, trong đó có 03 bản chính như sau:

- Bản chính 1 (Original 1): dành cho Nhà vận chuyển xuất AWB(for issuing carrier)

- Bản chính 2 (Original 2): dành cho Người nhận hàng (for consignee)

- Bản chính 3 (Original 3): dành cho Người gửi hàng (for shipper)

Trên mặt sau của mỗi bản chính được thể hiện các điều kiện của hợp đồng(the conditions of contract) và có giá trị như nhau

Ngoài ra bản số 4 (Copy 4) dùng cho mục đích giao hàng (Delivery Receipt), bản số 8(Copy 8) dành cho đại lý(for Agent), các bản còn lại là bản phụ(Extra copy) có thể được sử dụng cho các mục đích khác

Dưới đây là mô tả các thông tin chính trên không vận đơn

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Ký hiệu 03 số của hãng vận chuyển(Airline Code Number) |
| - | Dấu gạch nối được điền vào giữa 1A&1B, và chỉ được sử dụng ở góc trên bên phải và góc dưới bên phải của AWB |
| 1 | Dãy số AWB(Serial Number) - gồm 8 chữ số, trong đó số cuối cùng là số kiểm tra(check digit) |
| 1 | Ký hiệu 03 chữ của sân bay khởi hành(Airport of Depature) và phải tương thích với thông tin trên ô 9 |
| 1 | Tên & địa chỉ của hãng vận chuyển phát hành AWB(Issuing Carrier’s name & address) |
| 1 | Tham chiếu bản gốc(Reference to Originals) - không điền thông tin vào ô này |
| 1 | Tham chiếu điều kiện hợp đồng(Reference to Conditions of Contract) - không được điền thông tin vào ô này, trừ khi được sử dụng bởi quyền của hãng vận chuyển phát hành AWB |
| 2 | Tên & dịa chỉ người gửi hàng(Shipper’s Name and Address), và số điện thoại/ telex/ fax |
| 3 | Số tài khoản của người gửi hàng(Shipper’s Account Number) - không được điền thông tin vào ô này, trừ khi được sử dụng bởi quyền của hãng vận chuyển phát hành AWB |
| 4 | Tên & địa chỉ người nhận hàng(Consignee’s Name and Address) và số điện thoại/ telex/ fax |
| 5 | Số tài khoản của người nhận hàng(Consignee’s Account Number) - không được điền thông tin vào ô này, trừ khi được sử dụng bởi quyền của hãng vận chuyển cuối cùng |
| 6 | Tên và địa điểm(thành phố/sân bay) của Đại lý hàng hóa IATA của Hãng vận chuyển phát hành AWB(Issuing Carrier’s Agent Name and city) |
| 7 | Ký hiệu của Đại lý hàng hóa IATA được trình bày tại ô 6 (Agent’s IATA Code) |
| 8 | Số tài khoản(Account No) - không được điền thông tin vào ô này, trừ khi được sử dụng bởi quyền của hãng vận chuyển phát hành AWB |
| 9 | Sân bay khởi hành(Địa chỉ của hãng vận chuyển đầu tiên) và hành trình yêu cầu(Airport of Depature - Addr. Of First Carrier - and Request Routing) - tên sân bay khởi hành được điền vào ô này và phải tương thích với ô 1, bất kỳ yêu cầu nào về hành trình phải được điền vào ô này |
| 10 | Thông tin thanh toán(Accounting Information) - Chỉ những thông tin thanh toán được yêu cầu bởi các hãng tham gia vận chuyển được điền vào ô này:  - Thanh toán bằng tiền mặt hoặc Séc  - Thanh toán bằng MCO chỉ được chấp nhận đối với hành lý được vận chuyển dưới dạng hàng hóa, số MCO và giá trị của tờ chứng từ(Exchange Coupon) bằng đơn vị tiền tệ AWB được thể hiện theo sau số tiền được khấu trừ từ MCO. Trong mọi trường hợp, số vé hành khách/ ngày bay/ hành trình phải được điền vào ô này  - Thanh toán bằng Hóa đơn vận chuyển của Chính phủ(Gorvernment Bill of Lading - GBL): số GBL phải được điền vào ô này  - Đối với các lô hàng chuyển trả do không giao được hàng: số AWB gốc phải được điền vào ô này trên AWB mới.  - Số tham chiếu của người gửi hàng hoặc đại của người gửi hàng có thể được điền vào ô này.  - Thanh toán bằng thẻ tín dụng(credit card): số thẻ tín dụng phải được điền vào ô này  Từ “Also notify” có thể được điền sau tiêu đề “Accounting Information (Chỉ áp dụng đối với vận chuyển nội địa) |
| 11A | Đến(bằng hãng vận chuyển đầu tiên)(To-By First Carrier) - Ký hiệu 3 chữ IATA của sân bay đến hoặc sân bay chuyển tiếp đầu tiên(hoặc của thành phố trong trường hợp không xác định được tên sân bay do thành phố có nhiều sân bay) có thể được điền vào ô này |
| 11B | Bởi hãng vận chuyển đầu tiên(By First Carrier) - tên đầy đủ hoặc ký hiệu 2 chữ hãng vận chuyển đầu tiên được điền vào ô này |
| 11C | Đến (bằng hãng vận chuyển thứ hai) (To - By Second Carrier) - Ký hiệu 3 chữ IATA của sân bay hoặc sân bay chuyển tiếp thứ hai(hoặc của thành phố trong trường hợp không xác định được tên sân bay do thành phố có nhiều sân bay) có thể được điền vào ô này |
| 11D | Bởi hãng vân chuyển thứ hai(By Second Carrier) - Ký hiệu 2 chữ hãng vận chuyển thứ hai được điền vào ô này |
| 11E | Đến(bằng hãng vận chuyển thứ ba) (To - By Third Carrier) - Ký hiệu 3 chữ IATA của sân bay đến hoặc sân bay chuyển tiếp thứ ba(hoặc của thành phố trong trường hợp không xác định được tên sân bay do thành phố có nhiều sân bay) có thể được điền vào ô này |
| 11F | Bởi hãng vận chuyển thứ ba(By third carrier) - ký hiệu 2 chữ hãng vận chuyển thứ ba được điền vào ô này |
| 12 | Loại tiền tệ(Currency) - ký hiệu tiền tệ theo ISO của nước khởi hành, nơi xuất AWB phải được điền vào ô này phù hợp với nguyên tắc tính cước  Tất cả các khoản tiền ghi trên AWB (trừ các khoản tiền ghi tại các ô “collect Charges in Destination Currency” từ ô 33A đến ô 33D) phải được ghi theo loại tiền được điền trong ô này |
| 13 | Ký hiệu các loại cước, phí vận chuyển - dành cho hãng vận chuyển sử dụng(Charges Codes - For Carrier Use only):  - CA: Partial Collect Credit - Partial Prepaid Cash(Trả sau một phần bằng tín dụng - Trả trước một phần bằng tiền mặt)  - CB: Parital Collect credit - Partial Prepaid Credit(Trả sau một phần bằng tín dụng - Trả trước một phần bằng tín dụng  - **CC: All Charges Collect(Trả sau toàn bộ)**  - CE: Partial Collect Credit Card - Partial Prepaid Cash(Trả sau một phần bằng thẻ tín dụng - Trả trước một phần bằng tiền mặt  - CG: All Charges Collect by GBL(Trả sau toàn bộ bằng hóa đơn chính phủ |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

* + 1. Số AWB

Số AWB là thành phần không thể thiếu của AWB, và gồm 2 phần:

- Phần đầu là mã số nhận biết hãng vận chuyển: 3 ký tự

- Phần hai là dãy số nhận biết lô hàng: 8 ký tự, trong đó ký tự số cuối cùng được gọi là “check digit”

“check digit” là số được sử dụng cho việc xác thực dãy số nhận biết lô hàng, và được xác định bằng cách chia số có dãy số gồm 7 ký tự đứng trước check digit cho số 7, số dư của phép chia chính là “Check digit”

Ví dụ: số AWB của hãng LH-020 12345675 tổng 11 ký tự số, trong đó:

- 020: mã của hãng Lufthansa Cargo AG

- 12345675: dãy số nhận biết lô hàng, với ký tự cuối số “5” là check digit và được xác định là số dư của phép chia cho số 7

* + 1. Ý nghĩa của AWB

Không vận đơn là tài liệu hàng hóa quan trọng nhất được phát hành bởi một hãng vận chuyển hoặc các đại lý hàng hóa được vận chuyển ủy quyền. Không vận đơn được thể hiện những mục đích sau:

- Bằng chứng pháp lý về việc ký kết hợp đồng vận chuyển

- Bằng chứng về việc giao nhận hàng hóa

- Hóa đơn vận chuyển

- Chứng nhận bảo hiểm(nếu người gửi hàng yêu cầu hãng vận chuyển bảo hiểm hàng hóa)

- Hướng dẫn phục vụ, vận chuyển và giao nhận lô hàng

Vì vậy, vận đơn hàng không được xuất một cách cẩn thận và rõ ràng

* + 1. Hiệu lực và thời hạn của hợp đồng vận chuyển

Hợp đồng vận chuyển bắt đầu có hiệu lực khi Vận đơn hàng không được hoàn tất, nghĩa là khi:

- Người gửi hàng hoặc đại diện người gửi hàng và người vận chuyển hoặc đại lý hàng hóa được chỉ định bởi hãng phát hành vận đơn hàng không đã ký vào Vận đơn hàng không

- Vân đơn hàng không viết tay mà bị sửa đổi hoặc tẩy xóa, không được chấp nhận vận chuyển

Hợp đồng vận chuyển hiệu lực khi lô hàng được giao cho người nhận hàng có tên trong Vận đơn hàng không

* + 1. Trách nhiệm hoàn tất không vận đơn

- Theo công ước Warsaw, Nghị định thư The Hague và điều kiện vận chuyển của nhà vận chuyển, người gửi hàng phải chịu trách nhiệm chuẩn bị AWB

- Người gửi hàng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các chi tiết về nội dung khai báo liên quan đến hàng hóa do chính người gửi hàng hoặc đại diện người gửi hàng điền vào AWB

- Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với tất cả thiệt hại cho nhà vận chuyển hoặc bất kỳ người nào khác vì lý do trái quy định, tính không chính xác và đầy đủ về các chi tiết và nội dung khai báo bất kể AWB do chính người gửi hoặc do đại diện người gửi(bởi nhà vận chuyển hoặc đại lý được nhà vận chuyển ủy quyền) hoàn tất. Đồng thời bằng chữ ký, người gửi xác nhận đồng ý với các điều kiện của hợp đồng được trình bày trên mặt sau của AWB với các điều kiện vận chuyển

* + 1. Quyền quyết định của người gửi hàng(Shipper’s right of disposition)

Mục đích của nội dung này nhằm tập hợp các thông tin và quy định cần tuân thủ đối với trường hợp xảy ra sau khi tiếp nhận lô hàng để vận chuyển và ký kết hợp đồng vận chuyển(AWB)

1. Tổng quan

- Người gửi hàng có thể yêu cầu bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào cho AWB, ngoại trừ việc không thể thay đổi giá trị khai báo vận chuyển và số tiền bảo hiểm sau khi đã gửi lô hàng từ sân bay đi được thể hiện trên AWB

- Những thay đổi từ cước/phí trả trước đến cước/phí trả sau và ngược lại, những thay đổi về số tiền các khoản chi trả có thể được thực hiện chỉ trước khi chuyển giao lô hàng đến người nhận hoặc đại lý của người nhận. Trong tất cả mọi trường hợp, các yêu cầu trong các đoạn sau phải được tuân thủ

- Người gửi hàng phải đưa ra yêu cầu bằng văn bản nhằm đảm bảo cho tất cả các khoản chi trả theo đúng yêu cầu

- Khi người gửi hàng sử dụng quyền quyết định cho việc:

+ Lấy lại lô hàng tại sân bay khởi hành hoặc sân bay đến

+ Dừng vận chuyển lô hàng bất kỳ tại điểm dừng nào

+ Yêu cầu chuyển giao lô hàng đến một người khác người nhận được ghi trên AWB

+Yêu cầu gửi trả lô hàng về sân bay khởi hành

- Người gửi hàng phải trình bản gốc của AWB và hãng vận chuyển sẽ chấp nhận những yêu cầu này đến mức độ người người nhận hàng:

+ Không được sở hữu hoặc yêu cầu chuyển giao AWB/hàng hóa

+ Từ chối nhận hàng

- Nếu quyền quyết định của người gửi hàng gấy tổn hại cho nhà vận chuyển hoặc người gửi hàng khác thì không được phép thực hiện. Nếu theo quan điểm của hãng vận chuyển, việc thực hiện những chỉ dẫn của người gửi hàng không khả thi, thì hãng vận chuyển phải thông báo cho người gửi hàng biết

- Chỉ trả phí tổn

Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm và trả tiền lại cho hãng vận chuyển về những tổn thất và thiệt hại hãng vận chuyển phải gánh chịu do việc thực hiện quyền quyết định của người gửi hàng. Người gửi hàng phải hoàn trả cho hãng vận chuyển bất kỳ khoản phí tổn phát sinh do thực hiện quyền quyết định của mình

- Phạm vi quyền của người gửi hàng

Quyền quyết định của người gửi hàng chấm dứt tại thời điểm sau khi hàng đến sân bay đến, người nhận hàng sở hữu được hoặc yêu cầu chuyển giao AWB/ hàng hóa, hoặc bằng cách nào đó người nhận hàng đã nhận được hàng. Tuy nhiên nếu người nhận hàng từ chối nhận AWB hoặc hàng hóa, hoặc không thể liên lạc được với người nhận hàng, thì quyền quyết định của người gửi hàng sẽ được tiếp tục trao về lại người gửi hàng

1. Cước/phí vận chuyển

- Khi thực hiện theo yêu cầu của người gửi hàng có liên quan đến thay đổi hành trình, cước/phí phải được điều chỉnh cho phù hợp với giá áp dụng

- Trường hợp phải gửi lại trong thời gian gần nhất(immediate reforwarding) bằng đường hàng không, tổng cước/phí không được thấp hơn cước/phí xuyên chặng từ sân bay khởi hành đầu tiên đến sân bay đến mới

- Từ “gần nhất”(immediate) ở trên cần được hiểu là tổng thời gian vận chuyển tương đương hoặc gần với thời gian vận chuyển trực tiếp

1. Hoàn tất AWB

- Sửa đổi AWB hiện hành.

+ Bất kỳ sửa đổi hay bổ sung thông tin nào được điền trên AWB tiếp theo lần đầu phát hành bởi hãng vận chuyển phải được thực hiện trên tất cả các bản AWB còn lại

+ Khi thực hiện sửa, đổi, bổ sung, hãng vận chuyển phải xác nhận bằng cách điền ký hiệu IATA của hãng vận chuyển và ký hiểu 3 chữ thành phố/ sân bay nơi thực hiện sửa đổi bổ sung ở với vị trí gần nội dung sửa đổi, bổ sung nhất.